

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 13-7-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

Các Thẩm phán:

Ông Đoàn Hoài Trí;

Ông Trần Văn Luông.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:** Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2023/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 40/2023/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị X, sinh năm 2000; hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Q; chỗ ở: số 522/30 Quốc lộ 1K, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh B, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Bà X về con chung:

1.1. Bà Huỳnh Châu Ph, sinh năm 1998;

1.2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1997;

1.3. Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1998;

Cùng địa chỉ: số 522/30 Quốc lộ 1K, khu phố N, phường A, thành phố D, tỉnh B, là người đại diện theo uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 16 tháng 8 năm 2022, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn L, sinh năm 1998; hộ khẩu thường trú: ấp 19, xã Ph, thị xã G, tỉnh B; tạm trú: số 1A/2 khu phố 1B, phường A, thành phố T, tỉnh B, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn Bà Lê Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Bà Lê Thị X trình bày:

Bà Lê Thị X và Ông Đặng Văn L tự nguyện tìm hiểu, tiến đến quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, thị xã G, tỉnh B năm 2019. Quá trình chung sống, Bà X và Ông L sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2021, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, không hiểu nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung; vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà X yêu cầu được ly hôn với Ông Đặng Văn L.

Về con chung: Quá trình chung sống, Bà X và Ông L có 02 con chung tên Đặng Tú U, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2018 và Đặng Văn L, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2020. Hiện nay cháu Uyên đang sống cùng với người thân của Bà X ở quê, còn cháu Lâm đang ở cùng với Ông L. Khi ly hôn, Bà X yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đặng Tú U, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2018 còn Ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đặng Văn L, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2020; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn Ông Đặng Văn L không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án, không đến Tòa án tham gia tố tụng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không thể ghi nhận ý kiến của Ông L về việc giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, tại bản tự khai ngày 24 tháng 6 năm 2023, bị đơn Ông L đồng ý ly hôn với Bà X. Về con chung: Bà X và Ông L có 02 con chung tên Đặng Tú U, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2018 và Đặng Văn L, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2020. Hiện nay cháu Uyên đang sống cùng với người thân của Bà X ở quê, còn cháu Lâm đang ở cùng với Ông L. Khi ly hôn, Ông L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đặng Văn L, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2020; Bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đặng Tú U, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2018; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 40/2023/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị X về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với bị đơn Ông Đặng Văn L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, nguyên đơn Bà X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; các đương sự không thỏa thuận, hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, ngày 26/6/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nhận được bản tự khai của Ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với Bà X. Đối với con chung thì Ông L nuôi con chung là cháu Đặng Văn L, sinh ngày 02/5/2020, Bà X nuôi con chung là cháu Đặng Tú U, sinh ngày 02/4/2018, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Từ những chứng cứ trên, nguyên đơn kháng cáo là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 40/2023/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và con chung của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của Bà X làm trong thời hạn kháng cáo nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Bà X, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn Ông L đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà X và Ông L là vợ chồng, đăng ký kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Ph, thị xã G, tỉnh B. Hôn nhân của Bà X và Ông L là hợp pháp.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, tại bản tự khai ngày 24 tháng 6 năm 2023, bị đơn Ông L thừa nhận cuộc sống hôn nhân với Bà X có nhiều mâu thuẫn nên đồng ý ly hôn với Bà X. Về con chung: Bà X và Ông L có 02 con chung tên Đặng Tú U, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2018 và Đặng Văn L, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2020. Hiện nay cháu Uyên đang sống cùng với người thân của Bà X ở quê, còn cháu Lâm đang sống cùng với Ông L. Khi ly hôn, Ông L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đặng Văn L, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2020; Bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con

chung tên Đặng Tú U, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2018; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Như vậy, Bà X và Ông L đã thống nhất tất cả các vấn đề về hôn nhân, con chung. Đây là tình tiết mới phát sinh ở Tòa án cấp phúc thẩm, do đó, cần sửa bản án sơ thẩm, giải quyết cho Bà X được ly hôn với Ông L; về con chung: Bà X sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đặng Tú U, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2018 còn Ông L sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đặng Văn L, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2020; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Kháng cáo của Bà X là có căn cứ.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên Bà X không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Bà Lê Thị X.

2. Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 40/2023/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An. Cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị X được ly hôn với Ông Đặng Văn L.

- Về con chung: Giao cho Bà Lê Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đặng Tú U, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2018; giao cho Ông Đặng Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đặng Văn L, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2020.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị X và Ông Đặng Văn L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa

án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị X và Ông Đặng Văn L không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003448 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị X không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương trả lại cho Bà Lê Thị X 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0004461 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Hoài Trí Trần Văn Luông

Lưu Thị Mỹ Hương